



KIÊM - ĐẠT

TIẾNG VIỆT MẾN - YÊU

TỦ SÁCH BẠN ĐƯỜNG

NHÀ XUẤT-BẢN LÂM-VIÊN

Lỗ Quỳ
KIỂM-ĐẠT
Nguyễn Hải Nguyệt

TIẾNG VIỆT MỀM - YÊU

(Phần nhất : MỸ TỪ PHÁP)

TỦ SÁCH BẠN ĐƯỜNG
(Cuốn thứ ba)

LỜI NÓI ĐẦU

Công cuộc tổ bồi và chấn chỉnh tiếng Việt càng ngày càng tiến hành mạnh mẽ.

Bắt đầu viết thiên nghiên-cứu này, dụng ý của biên-giả là vạch qua những nét chính của âm, thanh, vận Việt ngữ, cố gắng hệ-thống-hóa những lối mỹ-từ-pháp và nhắm vào mục-đích : đặt cơ cấu tiếng Việt vào ý-thức-hệ dân tộc.

Lẽ tất nhiên, công việc còn nhiều, còn tốn lắm công-phu và đòi hỏi sự thảo-luận, gom góp ý kiến của các nhà văn hóa dân tộc bốn phương.

Hơn nữa, đây là một tài liệu giáo khoa, gọn lọc trong những lúc điều khiển các em học sinh trung-học, biên-giả chỉ muốn nêu lên những nét căn-bản, tạo nên hình thức biên khảo theo hệ-thống, dù rằng : « nhận thức quan của người Việt có tánh chất tổng hợp, phức tạp, biến hóa vô ngàn ». Nhưng có thế, các em học sinh mới có thể dùng phương pháp suy-lý trong lúc săn tìm tinh hoa phong phú của ngôn ngữ nước nhà.

Biên-giả chỉ muốn làm Người Bạn Đường đề sưu tầm, trao đổi ý kiến và đòi hỏi lòng ưu ái của những ai có thiện chí với nước non nhà, có thể mới mong tránh được những thể thức nghiên cứu ép buộc, chủ-quan, gò bó hay vay mượn, hời hợt, lạc lõng.

Biên-giả hy vọng sẽ tu chỉnh dần dà trong những thiên biên khảo tiếp theo nhờ kinh nghiệm học tập mới và thiện-chí của Bạn Đường bốn phương.

Đà-lạt, đầu năm học 1955-1956

Kiểm-Đạt

MỸ - TÙ - PHÁP

★ Tiếng Việt có đủ tám thanh, lên xuống, nặng nhẹ, cao thấp, bổng chìm, hợp nhau thành 19.000 âm thanh và 66 chuyển-âm. Do đó mà người Việt có thể phát đủ thứ tiếng và nhại lại bất cứ ngôn ngữ nào, biểu dương bất cứ thanh-âm nào.

★ Luật bằng trắc và bổng trầm chi phối tất cả các lối thơ, văn, linh động điều-hòa âm tiết của mỗi câu, mỗi lời, mỗi mệnh đề, mỗi từ ngữ. Nhạc tính chứa-chất trong âm hưởng. Lối gieo vần, lối hạ chữ, lối đối âm... Nhờ đó mà lên xuống nhịp nhàng. Chỉ sai lệch vài thanh cũng đủ xáo trộn lời thơ, ý văn rồi.

★ Trên lịch-trình tiến hóa của ngôn ngữ Việt-Nam, tiếng Việt đi từ *đa âm* đến *độc âm* nhưng rồi biến hoá dần dà thành *phức âm*. (Từ blời, blơn đến trôi, trồn và trỏi đất, trồn-tru...) Tính chất ấy đi đúng với tâm lý và năng lực hoạt động của người dân Việt — từ lối hấp thụ văn minh nước ngoài đến lối chỉnh đốn, biến hóa thành của cải riêng mình và phong-phú-hóa ngày một vững chắc thêm — Nó cũng thích hợp với bản chất điều hòa quân bình của nếp sống Việt, cũng thích hợp với « giọng ngoài » của tiếng Việt. Thành thử mỗi tiếng, mỗi âm đều có khả năng phối hợp tiếng đệm thành phức vận được cả.

★ Ngoài ra, tiếng Việt dồi dào tình cảm, chứa đựng tình cảm, nói toát được mọi nỗi thắc mắc, u ầu, bức tức, khổ sở của mình. Điều này đi đúng với bản năng trào lộng, cơ sở ần ức, nếp sống tình cảm, tâm hồn bất khuất của người Việt Nhượng Tiều.

★ Cứ thế mà tiếng Việt, được phát triển không ngừng, tô bồi mãi, biến hóa mãi, Việt-hóa các ngôn ngữ ngoại bang... Sau mỗi cuộc biến động lịch sử, là một tổ chức kết hợp ngôn ngữ xảy ra. Sau mỗi thời-kỳ du nhập văn hóa nước ngoài là tạo ra hàng trăm, hàng ngàn tiếng Việt mới.

Căn cứ ở đó, chúng ta không lạ gì những thể thức phổ biến tài tình, cho hoa-mỹ, cho linh động, cho ăn khớp với ý nghĩ mọi người càng ngày càng nhiều công việc phát triển này chung cho cả toàn dân, cho mọi người Việt muốn trau dồi, luyện tập **TIẾNG VIỆT MẸN YÊU.**

Căn bản xây-dựng đó bắt đầu là **MỸ-TỪ-PHÁP (HOẶC LÀ TỪ HOA).**

Có rất nhiều lối : nghĩ-thanh-từ, điệp-ngữ, phản-ngữ, điệp thủ thanh, điệp vĩ âm, thậm xưng, ngoa ngữ, đảo ngữ, trí giáo, điển tích, nhân-cách-hóa v.v.,

Lối áp dụng tự nhiên hay không tùy ở tài rèn luyện **KỸ THUẬT**, ở mức **CẢM XÚC** và **TU-TUỞNG** của người dùng **Mỹ-từ-pháp.**



NGHĨ-THANH-TỪ'

Nghĩ-thanh-từ (onomatopée) là lối bắt chước tiếng kêu, tiếng động của sự vật và loài vật để diễn-tả.

Trong khi tiếng Hán dùng lối tượng-hình, hội ý, tiếng Ấn-độ dùng lối tập-ý, thì tiếng Việt thuộc về loại hài thanh.

Tiếng Hán kích động thị-quan và trí-óc :

Tiếng Ấn cần nhờ trí-óc ;

Tiếng Việt lại nhạy hơn, dễ phổ biến và diễn đạt hơn : nó *kích-động thính-quan*. Điều này do nhờ :

1.) — Tiếng Việt có đủ các thanh :

- phù bình thanh (không có dấu)
- trầm bình thanh (có dấu huyền)
- phù thượng thanh (có dấu hỏi)
- trầm thượng thanh (có dấu ngã)
- phù khứ thanh (có dấu sắc)
- trầm khứ thanh (có dấu nặng)
- phù nhập thanh (có dấu sắc và các phụ âm c, ch, p, t ở cuối)
- trầm nhập thanh (có dấu nặng và các phụ âm c, ch, p, t ở cuối)

Nhạc âm đặc biệt này đã phân rõ ngắn, dài, cao, thấp, trầm, bổng khác nhau, tế nhị vô cùng. Chỉ thay đổi vài cung bậc cũng đủ biến-hóa giá-trị của câu văn.

Đây là đặc tánh của các loại ngôn-ngữ thuộc về *dòng tiếng Thái* mà một số dân-tộc châu Á đang sử-dụng.

2.) — Tiếng Việt giàu tình cảm :

Nhờ sự phân-định minh bạch từng tác-động, từng cử-chỉ, từng thái-độ mà tiếng Việt diễn-tả đủ tình cảm của con người : yêu, ghét, mừng, giận, vui, buồn v.v...

Ví dụ : với ngôi thứ ba số ít, nếu đối với các bậc trọng vọng thì có :

ông, lão, cụ, thầy, đức, quan, ngài, bác.

Đối với những người đồng-hàng thì có :

anh, bạn, gã.

Đối với những kẻ hạ-cấp thì có :

thằng nhãi, ranh con, thằng bé, thằng cu, nhỏ, oắt con, cu ti, thằng ngợm.

Nhờ đó mà câu văn lột được tất cả ý-nghĩ, diễn đạt đúng quan-niệm, nói toát được nỗi lòng.

Tình-cảm đó có thể phả vào động từ, hoặc chủ từ, hoặc túc từ, hoặc trợ từ...

Ví dụ : *thằng nhãi tru ồn quá !*

Chữ nào trong câu cũng cõng mở được tâm-trạng người được cả.

Hai tánh chất đó kết-tinh vào lối NGHĨ-THANH-TỪ khi đọc :

*Con gà cục tác lá chanh
Con lợn ùn-ùn mua hành cho tôi
Con chó khóc đứng khóc ngồi
Mẹ ơi đi chợ mua tôi đồng riềng.*

(Ca dao)

hoặc : *Đi-đet ngoài sân tròng pháo chuột
Om-sòm trên vách bức tranh gà.
Chí cha chí chát khusa giầy giép
Đen thui đen thui cũng lượt-là.*

(Trần-tế-Xương)

thì những chữ NGHĨ-THANH-TỪ (*cục tác, ứn ứn, đi đet, om sòm, chí cha chí chát*) làm rộn ràng câu văn, gây hình-ảnh sống-động, tô đậm những nét linh-hoạt.

Bất cứ ở trường hợp nào, ở vai trò nào trong câu, NGHĨ-THANH-TỪ cũng có thể áp dụng vào được cả.

Trong những lối tả cảnh, tả cuộc sanh hoạt, hội hè, đình đám, kết tụ đông-dúc, nhờ NGHĨ-THANH-TỪ làm sáng rõ những tác-động chính, những nhân-vật quan yếu.

Đây, một khung cảnh sống động :

Từ các làng xóm, từ các ấp trại, từ các túp nhà linh-tinh trên sườn đồi, người và người và gồng gánh, thúng mủng và bịch quai, tay nải và ba lô nữa, lũ dài, lũ ngắn, lẫn lượt đồn lên mấy con đường vắng. Vai kiu kịt, tay vung vầy, chân bước thoăn thoắt.

Tiếng lộn eng-éc, liếng gà lích-chích, tiếng vịt cạc-cạc, liếng người nói chuyện léo xéo. Thình thoảng lại ðiềm những tiếng ăng-ăng của con chó bị lôi sau sợi xích sắt, bộ mặt buồn rầu, sợ sệt, y như những tên tù bị giải đi đường.

Ngô-tát-Tố
(Buổi chợ Trung-Du)



-ĐIỆP - NGỮ-

Điệp ngữ là hai hay nhiều chữ, giống nhau đi liền nhau
(1) Ví dụ như :

- xanh xanh
- vàng vàng
- người người
- ngày ngày

Một số chữ, nếu là vần trắc thì ở trước đôi thanh thành bằng :

- chầm-chậm
- đo-đỏ
- tím-tím
- lành-lạnh

Lỗi biến âm này làm nhẹ nghĩa chữ bằng cách hãm giá trị ngay từ chữ trước (thanh bằng).

Sự kết cấu điệp ngữ có thể làm tăng thêm chất lượng hoặc giảm bớt chất lượng.

Giảm lượng (diminutif) ở vào trường hợp loại *phảm-tự* (adjectif).

- Nho nhỏ — hơi nhỏ
- Beo béo — hơi béo

(1) Một số nhà biên khảo đã chủ trương rằng : Điệp ngữ là hai chữ giống nhau *nhưng vị trí cách xa nhau*, chỉ cần lấy đi lấy lại thôi. Đó là trường hợp của *Trần trọng Kim* (Việt-Nam Văn-Phạm) *Nguyễn hiền Lê* (Luyện Văn), *Phạm viết Tuyền* (Nghệ thuật viết văn). Nhưng chúng tôi đưa vào lối PHẢN-PHỤC.

Thấp thấp — hơi thấp
 Lạnh lạnh — hơi lạnh
 Trắng trắng — hơi trắng
 Đen đen — hơi đen
 Xám xám — hơi xám
 Ôm ôm — hơi ôm
 Hồng hồng — hơi hồng

★ *Xa xa nói với xanh xanh giải lòng*
 (Chinh-phụ ngôm)

★ *Hồng hồng má phấn duyên vì cậy*
Chúa dẫu vua yêu một cái này.
 (Hò-Xuân-Hương)

★ *Êm êm chiều ngàn ngơ chiều*
Lòng không sao cả hiu hiu sẽ buồn...
 (Xuân-Diệu)

★ *Non bình này vẫn cao cao*
Nước Hồ kìa vẫn một màu xanh xanh.
 (Đồng-Hò)

★ *Nao nao giòng nước uốn quanh*
Nhịp cầu nhỏ nhỏ cuối ghềnh bắc ngang.
 (Kiều)

Gia-lượng (augmentatif) ở vào trường hợp danh từ :

Chiều chiều — chiều nào cũng vậy.
 Người người — tất cả mọi người.
 Non non — núi chập chùng nhau.
 Nơi nơi — khắp mọi nơi.

★ *Chiều chiều ra đứng ngõ sau*
Ngó về quê mẹ ruột đau chín chiều
 (Ca Dao)

✧ *Kìa non non, nước nước, mây mây*
Đệ nhất động hỏi rằng đây có phải ?
 (Chu-mạnh-Trinh)

✧ *Thùng thùng trống đánh ngũ liên*
Bước chân xuống thuyền, nước mắt như mưa
 (Ca Dao)

Gia lượng ở vào trường hợp *trạng tự* :

mãi mãi — không bao giờ dứt.
 thường thường — khi nào cũng có.
 nhanh nhanh — nhanh hơn.
 chậm chậm — chậm hơn.

✧ *Mùa thu chầm chậm như chưa đến.*
 (Xuân-Diệu)

✧ *Mỗi tình muốn dứt càng thêm bận.*
Mãi mãi theo hòai cứ chẳng thôi.
 (Dục Tông)

Gia lượng ở vào trường hợp *động tự* (nhắc lại động tác)

đi đi lại lại — đi lại mãi
 nói nói cười cười — nói cười luôn

✧ *Long lanh tiếng sỏi vang vang hện*
Trăng nhớ Tầm Dương nhạc nhớ người
 (Xuân-Diệu)

✧ *Cười cười, nói nói ngọt ngào*
 (Kiều)

✧ *Quanh quanh, quần quần lối dừ-dừ quay*
 (Trương-Vĩnh-Ký)

Trong các bài thơ thất ngôn bát cú, có khi người ta dùng lối điệp ngữ (có thay đổi dấu) khắp cả các câu gọi là *vĩ tam thanh* (ba tiếng sau cùng phát âm giống nhau) hay *song điệp* (mỗi câu, hoặc ở đầu hoặc ở cuối có đặt hai cặp điệp ngữ).

Ví như bài thơ thuộc lối **VĨ-TAM-THANH** sau đây :

Tai nghe gà gáy tè tè te
Bóng ai vừa lên hé hé hè
Non một chồng con von vót vót
Hoa năm sắc nở lòe lòe loe.
Chim tình bầu bạn kia kia kia,
Ong nghĩa vua tôi nhẹ nhẹ nhẹ.
Danh lợi mặc người ti tí ti
Ngủ trưa chưa dậy khỏe khỏe khỏe.

(Vô-danh)

Hay thuộc lối **SONG ĐIỆP** :

Vất vất vợ vợ cũng nực cười !
Cầm cầm cúi cúi có hơn ai ?
Nay còn chị chị anh anh đó,
Mai đã ông ông mụ mụ rồi
Có có không không lo hết kiếp
Khôn khôn đại đại chết xong đời
Chi bằng láo láo lơ lơ vạy.
Ngủ ngủ ăn ăn nói chuyện chơi.

(Vô-danh)

Nhưng ở đây cũng chỉ là lối chơi chữ hơn là sáng tác theo mức rung cảm, vì vậy dù sao cũng không thoát khỏi tánh chất giả tạo.

PHẢN - PHỤC

Phản-phục là lối lặp đi lặp lại một chữ (hay một từ ngữ) trong câu để nhấn mạnh ý muốn diễn-tả :

Ví dụ :

*Hoa giải nguyệt, nguyệt in một lấm
Nguyệt lồng hoa, hoa thắm lòng bông
Nguyệt hoa, hoa nguyệt trùng trùng
Trên hoa dưới nguyệt trong lòng xót đau.*

(Chinh-phụ ngâm)

Nhắc lại hai hình ảnh *hoa* và *nguyệt*, dụng ý của nữ tác-giả là làm nổi bật những cảnh vui tươi, xinh đẹp bên cạnh nỗi khổ tâm, buồn bực của nàng chinh-phụ, cốt gây mâu-thuẫn cảnh vật.

Lại có những hình ảnh, động tác, cảnh vật xoắn-xít lấy nhau bằng lối phản-phục tài-tình ấy (thơ sẽ biến thành thể Liên-Hoàn).

*Chốn Hàm-Dương chàng còn ngoảnh lại
Bến Tiêu-Tương thiếp hầy trông sang
Khỏi Tiêu-Tương cách Hàm-Dương
Cây Hàm-Dương cách Tiêu-Tương mấy trùng.
Cùng trông lại mà cùng chẳng thấy
Thấy xanh xanh những mấy ngàn dâu.
Ngàn dâu xanh ngắt một màu
Lòng chàng, ý thiếp ai sầu hơn ai ?*

(Chinh-phụ ngâm)

Nhưng nếu áp dụng lối phản-phục không đúng chỗ sẽ thành khổ độc. Victor Hugo đã bị châm-biếm vì lối-áp-dụng nông nổi ấy ; rằng :

*Où, ô Hugo juchera-t-on ton nom ?
Rendu justice que ne t-a-t-on ?
Quand donc au mont qu'Aucadémie on nomme
De roc en roc, grimperas-tu rare homme ?*

Dùng lối phản-phục dồn-dập nhau, thúc đẩy nhau cũng diễn-tả được thái độ bùng bột, trào lòng rạo-rực :

*Làm cho nhìn chẳng được nhau
Làm cho đẩy dọ cứt dẫu chẳng lên.
Làm cho trông thấy nhân tiên
Cho người thăm ván, bán thuyền biết tay.*

(Kiều)

hay :

*Khi sao phong gấm rủ là
Giờ sao tan tác như hoa giữa đường
Mặt sao dày gió dạn sương
Thân sao bướm chán, ong chường bấy thân.*

(Kiều)

Nhưng muốn áp-dụng vào công việc điều hòa tư tưởng, quân bình câu thơ, thì lối phản-phục vẫn có ảnh-hưởng. Ở đây thì lối phản-phục đi đôi với LỐI TIÊU-ĐỐI. (1)

✱ *Khi gió gác, khi trăng soi
Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thơ
Khi hương sớm, khi trà trưa
Bàn vầy điếm nước, đường tơ họa đàn.*

(Kiều)

(1) Xem phần *Tiêu-đối*.

·DIỆP THỦ-THANH

Điệp thủ-thanh là hai (hay ba bốn) tiếng có phần phụ âm đầu trước và đi kề nhau, có công dụng diễn đạt những cử chỉ, thái độ điều hòa, hoặc áp-dụng trong những tiếng kép. Đây cũng là một trong những đặc-tính đã tạo nên tính chất phối-vận (hay đa-vận, phức-vận).

Ví dụ :

vui-vẻ (thủ thanh v)
tươi-tắn (thủ thanh t)
ngắn ngủi (thủ thanh ng)
sáng sửa (thủ thanh s)

Phạm tiếng Việt nào cũng có thể chèn thêm tiếng đệm vào cả, như vậy mỗi đơn vận đều có *khả năng tiến tới* phối-vận (liên-kết thành điệp thủ thanh).

Đưa thêm một tiếng đệm cùng thủ thanh, để làm điều hòa câu văn, câu thơ, người Việt đã điều hòa được giọng nói của mình : Vì rằng người Việt nói giọng ngoài, khi hơi ra khỏi miệng nhiều, cần phải dùng một tiếng nhẹ hơn để giữ lại.

Ví dụ :

- ✱ *Thỉnh thoảng nàng trắng tự ngàn ngo*
(Xuân Diêu)
- ✱ *Chủ khách khỏa lại, khách dùng dăng xuôi*
(Tỳ Bà Hành)
- ✱ *Nghĩ nông nổi, ngàn ngo đôi lúc*
(Ngọc Hân)

★ *Trông đường bắc, đôi chòm quán khách,
Rườm rà cây xanh ngất núi non.
Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thối ngọc dịch véo von bên lầu.*
(Chinh Phụ Ngâm)

★ *Những luồng run-rẩy, rung rinh lá...*
(Xuân Diệu)

Tạo điệp thủ-thanh cần phải tự nhiên, áp dụng tùy lúc. Nếu dùng đề bốn chữ, áp dụng quá máy-móc, thơ văn trở thành ngượng ngùng, sống-sượng. Ví như bài *Tình vãn vương* sau đây của Nguyễn Đường Lý :

★ *Dan dlu dăng dai giáng dật dờ* (D)
Vấn vương vô vị việc vu vơ (V)
Tưởng tin tươg tất tình tươi tốt (T)
Mong mới mận mà má mơn mơ. (M)
Đắm đuối đầu đường đi đờ dân (Đ)
Ngập ngừng ngang ngửa ngó ngu ngơ (NG)
Lâm ly lưu-luyến lòng lai láng (L)
Thấp thỏm thương thăm thả thần thơ (TH)

Nếu khéo áp dụng bốn năm chữ cùng điệp thủ thanh, chúng ta sẽ có nhiều trạng-từ rất sống động :

— *dùng đa dùng dinh*
— *chí cha chí chát*
— *tí tẹo tèo teo*
— *tí tí tí tí*
— *thút tha thút thít*
— *hồn ha hồn hèn*
— *rung răng rung rẻ*

Nữ sĩ Hồ-xuân-Hương là người thường dùng điệp thủ thanh : thơ của bà nhờ thế mà tô thêm vẻ linh hoạt :

★ *Nút lăm hai mảnh hòm hòm hom*

★ *Giòng hi, giọng hi, giọng hi-ha*

Lối điệp thủ thanh « kết chuỗi » này thuần nôm, gần với tả cảnh hơn tả tình, gần với bình dân hơn nho sĩ, kích động mạnh về thính-quan. Âm gốc nhờ vậy mà tăng lượng lên tột độ về thời gian lẫn không-gian.



-ĐIỆP VĨ-ÂM

Điệp vĩ-âm là hai (hay ba bốn) tiếng, có phần vần đơn hay vần ghép giống nhau ; có công dụng làm tế-nhị nghĩa chữ và điều hòa câu văn, câu thơ.

Chú ý : Đừng chú trọng các dấu trong phần vần đơn hay phần kép ấy.

- Ví dụ :
- lang thang (vĩ-âm *ang*)
 - lòng thông (vĩ-âm *ong*)
 - bờ phờ (vĩ-âm *ơ*)
 - ái ngại (vĩ-âm *ái*)
 - cương thường (vĩ-âm *ương*)
 - hoang mang (vĩ-âm *ang*)

★ *Tình hoang mang gọi tứ hoang mang...*

(Quách-Tấn)

★ *Lơ thơ cồn nhỏ gió đìu hiu*

(Huy-Cận)

★ *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng*

(Xuân-Diệu)

Cụ Nguyễn-Du đã khéo dùng những điệp vĩ-âm **Ơ** để tả vẻ nên thơ :

★ *Lơ thơ tơ liễu buông mành*

(Kiều)

Bích-Khê khéo dùng điệp vĩ-âm sau một tự ngữ :

★ *Tình tang ta nghe như tình lang*

(Tinh-huyết)

Thi-sĩ Rimbaud còn cho mỗi nguyên âm có một ý nghĩa đặc biệt :

A đen, E trắng, U xanh, O lam. (1)

Dùng nhiều điệp vĩ-âm đi kè nhau, câu văn, thơ sẽ gày một nhạc điệu đặc Việt. Ví như khi Mạc-dĩnh-Chi đi sứ sang Tàu, vua Tàu dùng những điệp vĩ-âm trong Kinh-diễn để ra đối :

« *Quích tập chi đầu đàm Lỗ luận :*

« *Tri chi vi tri chi, bất tri vi bất tri, thị tri* ».

Có nghĩa : « Con chim Quích đậu trên cành cây, bàn về luận-ngữ nước Lỗ : biết thì nói là biết, không biết thì nói không biết, thế tức là biết vậy ».

Mạc-dĩnh-Chi dùng lại điệp vĩ-âm ợc (diễn-tả tiếng ếch kêu) để đối lại với tiếng chim kêu ở trên (điệp vĩ-âm i) :

« *Oa minh trì thượng độc Trâu thư :*

« *Dữ thiều nhạc lạc, dữ chúng nhạc lạc, thực lạc ?* »

Nghĩa là : « Con ếch kêu ở miệng giếng đọc sách Mạnh-Tử nhà Trâu : Vui nhạc với ít người, vui nhạc với nhiều người, dẫu nào vui hơn ? »

Nhưng nếu dùng điệp vĩ-âm liên tiếp thành một lối chơi chữ thì câu văn, câu thơ sẽ thành ra khổ độc :

Lèo dèo lang thang ấy mấy chiều

Bơ phờ lặn dận phận phiêu diêu

Long đong lòng những chừng tan tác

Át ngại chung cùng thích tịch liêu

(1) Đọc theo tiếng Pháp.

*Xa lạ người cười đau-dáu mặt
Ân-cần khách trách ngán than nhiều
Ngán hàng mang nặng bưng trăm dậm
Lệ đề âm-thầm thấm tẩm yêu.*

(Khuyết-danh)

Điệp vĩ-âm có khi đi kèm điệp-ngữ, điệp thủ-thanh hay phản-phục, các lối xoắn-xít, gắn bó lại với nhau, giá trị âm-hưởng càng sâu đậm :

*Sương nương theo trăng ngừng lưng trời
Tương tư theo lòng lên chơi vơi*

(Bích-Khê)

* *Rặng liễu đìu hiu đứng chịu tang
Tóc buồn buông xuống lệ ngàn hàng.*

(Xuân-Diệu)



TIÊU - ĐỐI

Tiêu đối là sự phân chia những thành phần trong một câu thành những đoạn, những ý đối-xứng với nhau (1)

Ví dụ :

*Khi tựa gối, khi cúi đầu
Khi vò chín khức, khi cau đôi mày.*

(Kiều)

Đó là phân chia từng cặp sóng đôi.

Còn có khi phân làm ba đoạn (tự-ngữ hoặc từ-ngữ) chưa nắm tròn vẹn cả câu :

*Năm xưa, đêm ấy, giường này
Nghĩến răng, nhắm mắt, cau mày, cực chưa !*
(Nguyễn Bính)

Hoặc là hai câu đối nhau, như thường thường hai câu thực hay hai câu luận trong một bài Đường-thi :

*Tưởng câu năm nọ như ngày nọ,
Nghĩ đến bao giờ khóc bấy giờ.*
Vô danh (Khóc linh cửu vua Lê-Chiêu-Thống)

Hoặc hai câu bảy trong bài « song thất lục bát » :

*Chìm đáy nước cá lừ-dừ lặn
Lửng da trời nhạn ngàn-ngơ sa.*
(Cung-Oán Ngâm-Khúc)

(1) *La Bruyère* chứng-minh phép đối trong thơ Pháp chỉ nhờ ở ý mà thôi « Đối là đem hai sự thực cho chọi nhau để cho nó làm sáng rõ lẫn cho nhau. »

Có người cho rằng phép đối là một sản phẩm của văn chương Trung-Quốc, nhưng xét ra, đây là độ phát triển tự nhiên của thơ ca tiếng Việt :

1° Khả năng điều-hòa trong cuộc sống (kinh tế nông nghiệp) đã ăn sâu lên tánh tình, ngôn ngữ và văn chương.

2° Tiếng Việt giàu nhạc điệu luôn luôn tìm về âm tiết cân đối, thi-cú quân bình.

3° Tiếng Việt có tánh chất tổng hợp, cô đọng, gọn gàng để đối chữ. Thơ Pháp không tài nào mà đối cân chữ, cân vần được. Bài thơ nổi tiếng nhất về phép đối của thi sĩ Victor Hugo mà cũng chỉ đối-ý thôi :

*Aime celui qui t'aime et sois heureuse en lui.
Adieu ! sois son trésor, ô toi qui fus le nôtre ;
Va, mon enfant chéri d'une famille à l'autre,
Emporte le bonheur et laisse-nous l'ennui.
Ici l'on te retient ; là-bas on te désire :
Fille, épouse, ange, enfant, fais ton double devoir.
Donne-nous un regret, donne leur un espoir ;
Sors avec une larme, entre avec un sourire.*

Phép tiêu đối làm điều hòa ý-tứ, êm dềm câu văn, câu thơ :

*Dập dìu tài tử, giai nhân
Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.*

(Kiều)

*Gió đưa cành trúc là đà
Tiếng chuông Trấn Võ, canh gà Thọ-Xương.*

(Ca dao)

Phép tiêu đối làm dùng đề so-sánh đôi ba ý đặt kề nhau :

*Lòn thu-thủy, nét xuân sơn
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh
Một hai nghiêng nước, nghiêng thành
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.*

(Kiều)

(Ở đây thì lối tiêu đối ăn nhịp theo lối phản-phục).

Phép tiêu đối làm câu văn thêm dồn-đập. Những bài hịch tướng sĩ, những thiên anh hùng ca nếu khéo dùng phép này, thì giá trị âm hưởng và khả năng thúc đẩy càng mạnh-mẽ hơn :

Đem đại nghĩa đề thắng hung tàn, lấy chí nhân mà thay cường-bạo. Trần Bồ Đằng sấm vang sét dậy, miền Trà-Lân trúc phá tro bay. Sĩ khí đã hăng, quân thanh càng mạnh. Trần-Trí, Sơn-Thọ mất vía chạy tan, Phương-Chí, Lý-An tìm đường trốn-tránh. Đánh Tây-Kinh phá tan thể giặc, lấy Đông-Đô thu lại cõi xưa. Dưới Ninh-Kiều máu chảy thành sông, bến Tuy-Động xác đầy thành nội. Trần-Hiệp đã thiệt mạng, Lý-Lương lại phơi thây. Vương-Thông hết cấp lo lượng, Mã-Anh khôn đường cứu dở. Nó dã trí cùng, lực kiệt, bỏ tay không biết tính sao ; ta đây mưu-phạt tâm công, chẳng đánh mà người chịu khuất. Tướng nó phải thay lòng đôi dạ, hiền lẽ tới lui, ngò đầu còn kiếm kế tìm phương, gây mầm tội nghiệt. Cậy mình là phải chỉ quen đồ vạ cho người ; tham công một thời, chẳng bỏ bày trò dơ-duốc. Đến nỗi dứa trẻ ranh như Tuyên-đức, nhàm vô không thôi ; lại sai đồ nhút-nhát như Thầnh, Thăng, đem dầu chứa cháy.

Trích BÌNH NGŨ ĐẠI CÁO
(Trần-Trọng-Kim dịch)

NGOẠI-NGŨ

Lối ngoại-ngữ tán rộng sự thật, kêu gọi hình ảnh hoặc phong-phú hóa, hoặc nói quá đáng, cốt đề linh-dộng-hóa sự vật, hành động, tính tình.

Thường thường là một thể trào phúng, luận lý rất đối khít gọn, ngổ ngằn, tài tình, hào hứng.

Muốn trình bày một đức ông chồng nhỏ nhen, khờ khĩnh do một cuộc tình duyên ép ường (khai sinh của chế độ luân lý Khổng, Mạnh), người đàn bà đã chống đối bằng lối trình bày :

Cái bống công chồng đi chơi

Đi đến chỗ lột đánh rơi mất chồng.

Chú lát ơi ! cho tôi mượn chú cái cổ gầu sòng

Tôi tát, tôi múc cho chồng tôi lên.

Hôn nhân dưới chế-độ phong kiến chỉ có tính chất phục lợi, nhắm vào cuộc làm ăn hơn là tình yêu chân thật ; bao nhiêu đều bày ra cốt đề kìm hãm người đàn bà, người con, người vợ, người dân ; luật tam tòng, tứ đức, thất xuất, trinh tiết v...v...Ngoại ngữ hẳn là khí giới của kẻ yếu chống đối kẻ mạnh kẻ bị áp-chế chống cường quyền, người dân đen chống quan liêu, địa chủ khắc nghiệt.

Mặt ngoài đạo đức, bề-về của phần đông công-tử, tay chơi, đều che đậy những thú-tính hèn hạ thấp kém của « con người ». Người đàn bà nhận thức được. Lối ngoại-ngữ trình bày được ý-thức trào lộng xa xôi, lối phản kháng gián-tiếp, rất luận-lý, rất « trí-thức » :

Lổ mũi em thì tám gánh lông,
 Chồng yêu chồng bảo tơ hồng trời cho.
 Đêm năm thì ngáy o o,
 Chồng yêu chồng bảo ngáy cho vui nhà.
 Đi chợ thì hay ăn quò,
 Chồng yêu chồng bảo về nhà đỡ cơm.
 Trên đầu những rác cùng rơm,
 Chồng yêu chồng bảo hoa thơm rắc đầu.

Cố tìm những hình ảnh mâu-thuẫn, kỳ thú làm nòng cốt cho câu hò, điệu hát (hình thức phổ biến dễ dàng cho nhân dân) lợi khí NGOA-NGŨ đã linh-diệu vậy. Điều đó cũng đủ chứng tỏ rằng : cần phát-triển con người toàn diện, đầy đủ.

Đến một độ mà tính chất trào lộng đã sâu đậm, hơi thơ trở nên nhẹ-nhàng, tế nhị mà chua cay. Nó trở thành phú-bầm, trở thành NẾP sống trào-lộng, đúng hơn là *chất giải tỏa* điều hòa.

Các nhà cầm quyền dù đã hấp thụ ngày đêm tinh thần Khổng-học, đã bóp đầu, bóp trán, suy ngẫm rồi lần-quần trong chủ trương chánh-trị của mình. Chứng cứ là trong các bộ luật của vua Lê-Thánh-Tôn (Hồng-Đức) và của Triều Nguyễn (Hoàng-Việt luật-lệ) tuy cố đề cao hình phạt đàn-bà về phát-triển tình dục nhưng vẫn tôn trọng quyền đàn-bà, quyền nội-tướng, quyền « *thê giả tề dã* » (vợ cũng có quyền sửa trị gia-dình) hay « *vô nam dụng nữ* » (không đàn ông thì dùng đàn-bà).

Trong LỐI NGOA-NGŨ đã chứng minh rõ vai trò cần yếu của người đàn-bà, của phái yếu, đã góp sức phá đồ chế độ phụ quyền trong kinh-tế đã dành, mà trong xã hội, chánh trị, ý-thức-hệ cũng vậy.

Bất cứ một sự-khiến gì xảy ra bên ngoài cũng đủ cho người bình-dân ví-von, làm bối cảnh cho tâm tình ăn-ức của mình ; có người cho là CÁI ẨM-ẢNH năng lực tiềm thức ; cũng dễ chứng minh tinh-thần chiến đấu dẻo-dai, bất khuất triền miên trong xương tủy mà thôi.

Này đây :

*Ngồi buồn may túi đựng giò,
Đan sề sây đá, giết voi xem giò.
Ngồi buồn đem thước ra đo,
Đo từ núi Sở, núi So, núi Thầy.
Lên trời đo gió, đo mây,
Xuống sông đo nước, về đây đo người.*

Lại bắt ngay vào tâm-tư :

*Đo từ mười tám, đôi mươi,
Đo được một người, vừa đẹp, vừa xinh.*

Con người là trọng-tâm của muôn vật. Không vì vậy mà người dân quê đề-cao cá-nhân quá mức, mà là phát-triển tâm-trạng của tầng-lớp, của bạn bè, của kiếp tôi đòi. Trình-bày CON NGƯỜI ĐIỀN-HÌNH, chính là cơ sở phát-triển cá-nhân theo nhịp phát-triển của xã-hội vậy (*Đo từ mười tám, đôi mươi...*).

Tin tưởng vào sức hợp-tác xây dựng của mình trong việc chấn-chỉnh kinh-tế ; tin tưởng vào năng-lực kiến-tạo gia đình, người đàn-bà đã tự-hào trong tình yêu. Trái với khuôn khổ, kỷ luật Nho-giáo, phái yếu luôn luôn tự-tin, tự-phát và tự-ái.

Đành rằng « Nhất nam viết hữu, thập nữ viết vô » nhưng đời nào, phụ-nữ xuôi tay bó gối :

*Bao giờ chạch đẻ ngọn da,
Sáo đẻ dưới nước thì ta lấy mình.
Bao giờ cây cải làm đình,
Gỗ lim thái ghém thì mình lấy ta.*

Rút lại LỐI NGOA-NGŨ là ngọn roi của bản-năng con người quật vào kỷ-luật hà khắc của xã-hội, của kẻ bị trị chống nhà cầm quyền bất công, hẹp hòi, của con tim chống với lễ-giáo Khổng, Mạnh. Những gì trái với nếp sống toàn diện, quân bình, dân tộc, nhân bản đều là đối-tượng chống đối của người thường dân.

Ngoa-ngữ có luân-lý, có mở, có đóng, dùng làm lợi-khi ngôn-ngữ để cởi mở tâm hồn dân quê Việt-Nam. Phát triển theo chiều lịch-sử, thuận với lẽ đấu-tranh của dân-tộc, văn-học bình-dân (nói chung) luôn luôn phong-phú-hóa, cải-tiến, áp dụng tùy thời hợp thế.



PHẢN-NGŨ'

Theo NGHĨA VĂN-HỌC thì phản-ngữ-pháp chứa đựng mầm móng xung đột trong một câu có hai nghĩa tương phản nhau mà cái cốt tử muốn nói lại không rõ hẳn ra. Người thường thức chỉ hiểu ngấm mà thôi.

So sánh với lối U-MẶC (humour) thì phản-ngữ-pháp có nhẹ nhàng, diềm tĩnh hơn một chút, nó cũng làm cho chúng ta mỉm cười, nhưng chúng ta chỉ mỉm cười sau khi đã hiểu rõ cái chân-ý của nó mà thôi. Hình như phản-ngữ-pháp thì phật đó mà nói trái, phản-ngữ-pháp là « nói đằng đông, động đằng tây » (1)

Ban biên-tập bộ BÁCH-KHOA TỪ-ĐIỂN QUILLET nhấn rõ thêm rằng :

Phản-ngữ-pháp ghi rõ tánh chất sâu rộng của bức tranh xấu-xa và lố lăng của con người. Những luận đề thông thường đó, thường thường là sự đồi bại của phong-tục, sự giả dối, sự cuồng tín, óc dị-doan, tánh tham lam, ưa hào nhoáng, kẻ ăn hạt, kẻ khoe khoang, những lỗ bịch của thị-thành v.v...

Về phương diện chánh trị, lối mỉa từ pháp này bài bác những sự lạm dụng của chánh quyền, sự lộng hành của kẻ được ưu đãi, được « lên voi ». Về phương diện văn-học, lối này tố cáo những tác giả cùng những khuynh-hướng đồi-trụy.

(1) Theo cuốn Lão-Phu Phá-Xa do Thần-Quang Văn-Học Tùng-Thư xuất bản năm 1949.

Đi sâu vào lãnh vực ca dao, tục ngữ, ta thấy lối phản ngữ là sức quật cường mạnh mẽ, âm mưu lật đổ trật tự xã hội khi uất khí đấu tranh vùng lên hào-hùng. Lấy sự vật bị động làm chủ động, lật ngược luân-lý thông thường, đánh tráo hiện-tình xã hội, gây mâu thuẫn trong nếp sống hằng ngày, lối phản ngữ đã đạt được giá-trị diễn đạt trù phú.

Không ví von như lối *tỉ-giáo*, không khoa trương bóng gió như lối *ngoa-ngữ* hay nói cạnh nói khéo như lối *thậm-xưng*, phản-ngữ-pháp đi thẳng vào sự thật, lật đổ hệ thống cũ (cả luân-lý lẫn hình thức xã-hội).

Nếu lối *tỉ giáo* có khả năng làm sống lại những tư tưởng viển-vông siêu hình, huyền hoặc, cụ-thể-hóa cái trừu-tượng thì ở đây, *lối phản-ngữ* lại che đậy những điều xấu-xa, bóng-bầy hóa sự thật diêm-dúa. Hình-thức trình bày dù có khác, nhưng ý nghĩa vẫn sâu đậm, dồi dào, chứa-đựng.

Mĩa mai một anh chàng bủn xỉn :

Keo kiệt mà đi ăn sừng

Cá lội đầy đường, chim lặn đáy sông

Hay một hiện-trạng xã-hội :

Mấy đời bánh đúc có xương

Mấy đời dì ghè mà thương con chông.

Quen thuộc với sự chống đối, đi sâu vào việc phân tích những thói xấu, trò ngây ngô, tác phong hống hách nông nổi của kẻ có bề thế trong xã-hội, người bình dân rất bình tĩnh, nghiên cứu lối trào-lộng sâu sắc, tinh vi nhất để phản-kháng. Náo « tình vật » của người bình dân rất đối tể-nhị.

— Khi kẻ yếu không đủ khí giới quật lại kẻ mạnh thì họ lại bày ra những lời diều cọt chua cay này để thỏa mãn lòng căm thù, ăm ức.

— Khi người dân đen không chịu đựng nổi những bất công, bất lương, bất chính của quan liêu địa chủ thì họ lại liên thoắng, xác xược nói bóng, nói gió, Vì rằng :

« Làm trên ở chẳng chính ngôi

Khiến cho người dưới chúng tôi hỗn hào »

— Khi mà những điều kiện xã-hội chưa đủ điều kiện khách, chủ quan, giải quyết xong, nạn-nhân dù ý thức được quyền lợi mình mà không sao tranh giành được thì họ vẫn thấp thỏm mãi, biến sức tranh đấu thành lối tự tôn, tự đại ; bản năng tự vệ là kho Tiểu Lâm. là về nói ngược, là lối ca dao PHẢN NGŨ.

Đây, một chuỗi tư tưởng mâu thuẫn :

Ruồi lẫn chọi với bò trâu,

Đàn gà quật với diều hâu mấy lần.

Nọc người châm muỗi năm phân

Mèo nhìn thấy chuột thương gần thương xa.

Người trần kết bạn cùng ma

Một đàn ong bướm thấy hoa lánh mình.

Ngán đời... gỗ đóng lên đình

Chồn thỏ đang rình bắt kẻ di săn.

Trẻ thơ gọi bố bằng « thằng »

Tre già dễ uốn, bẻ măng làm cầu.

Dân chài cần lấy lưới câu

Một đàn thủy thủ biết đâu là đường !

Bà già đòi sức thêm hương
Một đôi ngựa trắng cầm cương dẫn người.
Trai tơ yêu gái bảy mươi
Trao tơ mỉm cười dòng lệ trào tuôn.
Mẹ già lấy bánh đúc khêu
Lấy cơm nấu củi, lấy buồn dỗ con.
Trăm năm đá chảy nước mòn
Đàn bà sắm lễ cưới chồng nay mai.
Một đàn voi cưới lấy nài
Quan Tuân, quan Bố nhờ ai về vời ?

Toàn là những khung cảnh ngược đời, sai khác hẳn những hiện-tượng thông thường, những luân-lý đơn giản của người đời. Người bình dân cổ nhen lên một cuộc cách mạng tư-tưởng, cố gây một làn sóng quật khởi mạnh trong tâm-tư. Đó là phóng khí cốt giải tỏa những ản ức do xã-hội cũ tạo ra. Đó là cá tính thực thụ của con người Việt trước sức đè nén áp bức của quan liêu, địa chủ, trước âm mưu đồng hóa của ngoại bang.

Sự mâu thuẫn tư tưởng và tâm lý của nhà cầm quyền phong kiến và nhân dân đã gây nên nhiều cuộc thay triều đổi họ, nhiều cuộc thanh suy triển miên từ hồi lập quốc.

Lối phản ngữ chỉ rõ những mâu thuẫn nội tâm của chế độ cũ, khơi ngòi những xung-dột, cởi mở ý chí đấu tranh và chứng tỏ năng lực của mình.

Nhưng trước sau cũng chỉ là thơ, là một thẻ thức trào lộng, một lẽ lối truyền cảm tâm trạng áp bức chung. Tánh chất hài hước đó có mục đích gây những ấn tượng man-mác, cởi mở

tiêu cực tâm tư mình sau bao nhiêu cuộc đấu tranh thất bại, thay ngôi đổi chủ, trở nên bảo thủ, yếm thế :

*« Kinh nghệ vui thú kinh nghệ,
« Tép tôm dành chịu vui bề tép tôm ».*

Tình trạng mâu thuẫn tâm lý đó trở thành tập quán chống đối, thành **NẾP TRÀO-LỘNG**, chất ánh ảnh, sặc mùi Tiểu-Lâm.

Rút lại,

— Phản ngữ là kết quả của con người toàn diện tranh đấu với kỷ cương gò ép ; bản năng đang cố thoát ly tổ-chức trói buộc của nhà Nho, con tìm chống lại tánh chất duy lý của Khổng Mạnh.

— Nếp sống Việt-Nam, luôn luôn độc đáo, gặp áp lực ngoại lai thì tìm phản ứng bằng cách đồng hoá (kết nhận tinh hoa và gạt bỏ dross) cởi mở cá tính, lập thành một hệ thống tư tưởng riêng biệt của người bình dân, Đi lệch, đi ngược, mọi dân đều bị cảnh giác.

— Cần tìm lại giá trị tối yếu của con người (dù là phái yếu, dân nghèo, dân dốt) đem lại hạnh phúc tối thiểu cho ăn rập với hạnh phúc xã-hội.

Dân Việt cần cụ thể, thiết thực, minh bạch.

— Phải đi đúng với ý-thức-hệ Việt-Nam, nền ý-thức-hệ toàn diện, tổng hợp, dân tộc, tiến hóa, chiết trung.

Bài học kinh nghiệm của lịch sử qua văn học bình dân giá trị là ở đó.

HOÁN - DỤ

Hoán dụ là lối dùng một phần để chỉ toàn thể, dùng hình thức để diễn tả nội-dung, dùng vài nét để chỉ toàn diện, dùng một vài chữ mà đủ diễn tả toàn câu — Ví dụ :

một tay để chỉ năng lực con người
hai vai để chỉ sức mạnh con người
má hồng để chỉ người đẹp
đầu đen để chỉ con người nghèo khó
cơm áo để chỉ cuộc sống vật chất
túi thơ để chỉ tài văn-ngệ
trước sau để chỉ tất cả cảnh vật, sự trạng

★ *Một tay gậy dựng cơ đồ*
(Kiều)

★ *Hai vai gánh vác sơn hà*
(Kiều)

★ *Khách má hồng dùng giận nổi trăng già, ta cũng
khuynh lời phải chẳng.*
(Chu-Mạnh-Trinh)

★ *Chẳng nên cơm áo gì đâu ?
Trở về đất vãi trồng dâu chăn tằm.*

★ *Ái ơi trời chẳng trao quyền,
Túi thơ dùng-dinh đạo miền thôn quê.*
(Ca dao)

★ *Lú đầu đen nheo nhóc áo cơm.*

★ *Bế bàng mây sớm đèn khuya,
Nửa tình, nửa cảnh như chia mối sầu.*
(Kiều)

★ *Khuyên con khuya sớm chuyên cần,
Học hành cố chí lập thân kịp người.*
(Ca dao)

★ *Bảo vâng gọi dạ con ơi,
Vâng lời sau trước con thời chớ quên.*

★ *Trước sau nào thấy bóng người,
Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.*
(Kiều)

★ *Bấy lâu nay xuôi ngược trên đường đời,
Trông thấy anh, tôi chỉ hát chỉ cười.*
(Xuân Diệu)

Lối hoán-dụ chứng tỏ người Việt giàu óc biểu-tượng, giàu trí liên-tưởng. Hình dung năng lực bằng hai bàn tay, hình dung người đàn bà đẹp bằng má hồng, tánh chất cụ-thể-hóa này đã kêu gọi được trí xét-đoán của người thưởng-thức.

Dùng ít chữ mà vẫn diễn tả được nhiều ý, tìm cách ước lược bớt những phần tử không thiết yếu để cho vừa âm, vừa điệu của câu thơ.

Ví dụ : Đáng lẽ ra phải nhắc toàn câu « *dối đến chết, ba ngày Tết cũng no* » thì ông Tú Xương chỉ nhắc :

*Chẳng phong lưu cũng ba ngày Tết,
Kiết cú như ai cũng rượu chè.*

Đáng lẽ phải nhắc cả câu ngạn ngữ :

Bánh dầu thắng trọc, không nề dầu ông sư.

thì ông Nguyễn-hữu-Chu lại viết :

Dầu trơ dầu trọc đừng ai báng.

Do ý-niệm « dùng một phần để biểu hiện cho toàn thể » lối hoán-dụ đã đi đúng với nếp sống « điều-hòa giữa cá nhân và đoàn thể, công dân và dân-tộc, đơn vị và xã-hội ». Sự phối hợp quân bình đã chịu ảnh hưởng thuyết *vạn-vật nhất thể*, ăn rập với nhận-thức-quan « *nói ít nghĩa nhiều ; không nói mà nói, không mắng mà xót-xa, không cần rầy la mà hò thẹn...* » của người Việt.

Sau cùng, lối hoán-dụ phù hợp với tánh chất tổng-hợp (dùng ít chữ mà nhiều lời) tánh chất cụ thể, thiết thực (do từ nào thực-tiến) của tiếng Việt.



-ĐẢO-NGŨ-

Đảo ngữ là lối đặt lộn thứ tự các tự ngữ trong mệnh đề cốt để đổi không khí câu thơ, câu văn, phơi bày các hình ảnh sống động ra trước đề hấp-dẫn độc-giả.

Có khi là đảo lộn động từ :

- ✧ *Lăn lộn thân cò khi quăng văng*
Eo xèo mặt nước buổi dề đông.

(Trần-Té-Xương)

- ✧ *Gác mái, ngư ông về viễn phố,*
Gó sừng, mục tử lại cô thôn.

(Bà huyện Thanh Quan)

Có khi đảo lộn danh từ (túc từ)

- ✧ *Biếng cầm kìm, biếng đưa thoi*
Oanh đôi thẹn dẹt, bướm đôi ngại thua.

(Đoàn-thị-Điềm)

- ✧ *Vầng trăng ai xẻ làm đôi*
Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường

(Nguyễn-Du)

- ✧ *Cỏ thơm lẫn gió trước đèn*
Phong tình cò lục còn truyền sử xanh

(Nguyễn-Du)

- ✧ *Trống chùa ai đánh thì thùng*
Cửa chung ai khéo vầy vùng thành riêng,

(Ca Dao)

Đành rằng đảo ngữ đôi khi cũng chỉ là một lối sắp đặt cho thuận luật bằng trắc trong câu thơ, nhưng phần đông nhắm vào những đặc điểm :

— Lợi dụng tính chất rạt-rào tình-cảm của tiếng Việt để làm linh động câu văn, câu thơ, phơi bày những trạng thái tâm-tư rõ-ràng trước mắt để dễ kích-thích. Tác-giả đưa cử chỉ, đưa hành động, đưa trạng huống tâm hồn ra trước rồi mới lộ nguyên hình dạng. Đây chính là tình cảnh của hạng người luôn luôn bất mãn, luôn luôn bị lép vế, luôn luôn bị thúc phọc vì hoàn cảnh, địa vị, dồn nén tứ phương.

— Càng biểu-hiện rõ rệt lối hành văn đi từ khách-quan đến chủ-quan của người Việt. Đưa đối-tượng ra trước, đưa cảnh vật ra trước rồi mới trình-bày động tác của mình, điều đó chứng tỏ : « người Việt luôn luôn dẫn-đo, thận-trọng trong công việc mình làm, luôn nhìn kỹ càng vào thực trạng để tránh những nguy hại sau này ».

— Xử-dụng tính-chất tổng hợp trong văn thơ tiếng Việt (ít chữ mà nhiều lời) ; cũng chừng ấy chữ, chừng ấy câu mà có thể đảo trộn thế nào cũng trộn nghĩa.



DIỄN - TÍCH

Diễn tích là lối nhắc nhở các việc xưa, chuyện xưa, người xưa bằng đôi ba chữ, cốt để so sánh với việc nay, chuyện nay, người nay, dù tương quan ít hoặc nhiều (1)

Trong các áng thi văn cổ của hạng thượng lưu trí-thức, diễn tích rất nhiều, có cuốn la liệt hết diễn tích này đến diễn tích khác :

Ví như trong Quan Âm Thị Kính có câu :

*Chín nghe vượn Sở lạc chừng
Bận lòng đến cả cây rừng chẳng sinh.*

Ý này do ở chuyện :

Nguyên vua nước Sở có nuôi một con vượn ; một hôm con vượn ấy trốn vào trong rừng, vua sai đốt cả rừng để tìm.

Trong câu :

*Len chân nhờ bóng sân hòe,
Cúng mong tranh đấu ngựa xe với người.*

Sân hòe do diễn-tích :

Vương Hựu đời nhà Tống trồng ba cây hòe ở trong sân, chủ ý làm cho con sau này lên chức tam công (về đời nhà Chu, chỗ các quan lại hội họp có 3 cây hòe chỉ chỗ có ba vị tam công). Quả nhiên về sau con ông là Vương Đán làm được chức ấy. Vì thế *sân hòe* nghĩa là nhà thế phiệt.

(1) *Diễn Tích* còn tên là *Sự Vụ*, nghĩa là sai khiến việc đời xưa cho ăn khớp với việc ngày nay.

Những điển tích trên lấy ở truyện thật ngày xưa ; có khi người ta lại còn lấy ở các chuyện hoang đường, cổ tích, chuyện thần tiên ra nữa.

Ví như chữ « *xích thăng* » hay « *chỉ hồng* », « *tơ hồng* », « *ông tơ* » .. lấy ở tích Vi Cố trong Tình Sử : Đời nhà Đường, Vi-Cố đi kén vợ gặp một ông cụ ngồi dựa túi xem sách dưới bóng trăng. Anh ta hỏi thì ông cụ bảo : sách ấy chép tên những người lấy nhau và túi ấy đựng những sợi chỉ hồng dề buộc chân hai người phải lấy nhau, không sao gỡ ra được nữa. Anh ta hỏi : thưa cụ, thế thì tôi lấy ai ? Ông cụ chỉ một em bé lên ba tuổi ở trong tay một người đàn bà chột mắt đem ra chợ bán rồi bảo : đó là vợ của Vi-Cố sau này. Cố giận, thuê người đâm con bé nhưng nó chỉ bị thương thôi. Cách mười bốn năm sau, quả thật Vi-Cố lấy người con gái ấy.

★ *Duyên em dù nối chỉ hồng,
May ra khi đã tay bằng tay mang.*

(Kiều)

★ *Dù khi lá thắm chỉ hồng*

(Kiều)

★ *Ông tơ ghét bỏ chỉ nhau,
Chưa vui sum họp đã sầu chia phôi.*

(Kiều)

★ *Sợi xích thăng chỉ dề vương chân.*

(Cung oán ngâm khúc)

Điển tích có khi chỉ rút vài chữ trong những câu nói của người xưa.

Ví như câu :

★ *Chờ ngày áo gấm lại hoàn hương.*

(Chiêu-Quân Cống Hò)

Áo gấm hoàn hương do câu : Phú-quý bất quy hương
như ý cầm dạ hành (giàu sang không về làng như bận áo gấm
đi đêm.

★ *Năm lông hồng theo đạn lạc tên bay*
Phong da ngựa mặc bèo trôi sóng vỗ.

(Văn tế trận vong chiến sĩ)

Năm lông hồng do câu « Người ta ai cũng phải một
lần chết, nhưng có cái chết nặng như núi Thái sơn, có cái chết
nhẹ như lông chim hồng »

(Tư Mã Thiên)

Phong da ngựa do câu « Làm tài trai nên chết ở chốn
biên-thù, lấy da ngựa bọc thây mà chôn mới thật đáng trọng »
(Mã-Viên)

★ *Một hạt nghiêng, nước nghiêng thành.*

(Kiêu)

Nghiêng nước nghiêng thành do câu : « Nhất cổ khuynh
nhân thành ; tái cổ khuynh nhân quốc » (ngoảnh lại một cái
làm nghiêng thành, ngoảnh lại một cái nữa làm nghiêng nước)
(Lý-Diên-Nhiên)

— Phần nhiều trong những áng thơ văn bác học mới
chứa chất nhiều điển tích vì các nho sĩ am tường kinh sách,
nên điển-cổ phần nhiều rút ở sách Tàu, chứ ở văn chương
bình dân, tìm cho ra những câu có điển tích liên tiếp là một
điều rất hiếm hoi.

Người đọc hiểu nghĩa và lý-thú ít ra cũng phải có trình-
độ hiểu-biết hay đã đọc những sách của kẻ sáng-tác. Vì vậy,
điển tích để dằng dút nguồn cảm-hứng, nếu vấp phải một mẫu

chuyện khó hiểu. « Các điển cổ ấy không những là lá kinh truyện và chánh sử mà phần nhiều lại lấy ở các nghệ thuật, các tiểu thuyết, phi những người học rộng xem nó không thể hiểu hết được »

(Hải-Lượng — Văn học tập

Có người cho rằng điển tích đã xếp đặt câu văn gọn gò, đậm đà, lý thú, tránh được lối văn nhạt nhẽo, vô vị, sỗ sệ. Nhưng chừng đó bằng chứng cũng không che lấp nổi tai thiếu rung cảm, thiếu sống động của câu văn.

Mượn chuyện xưa, tìm vài ý na-ná, để lồng vào văn của mình có khi thành ra giả-tạo, vay-mượn kỳ-quặc. « Nếu sâu, nếu sống đậm đà, thì họ viết ra ngay ».

Sống trên bình diện kinh tế nông nghiệp, người Việt đi sâu vào cảnh vật thiên nhiên, vào cuộc sinh hoạt, vào cảm mình. Điển-cổ đi ngược lại nếp rung-cảm tế-nhị quần chúng.

Sự sụp đổ của nền Hán-học kéo luôn đà sụp đổ của phong tầm chương tích cú là lẽ dĩ-nhiên vậy.

— Tuy nhiên, vẫn có một số ít điển-tích đã thành thông dụng, gần với thực-tế hơn, biến hóa thành những ngữ Việt-Nam hẳn rồi, thì đã xem như là Việt-hóa.



NHÂN-CÁCH-HÓA

Nhân-cách-hóa là lối hành văn tài tình nhất của những loại ngôn-ngữ giàu có nhất trên hoàn-cầu.

Tiếng Việt cũng có tánh chất này.

Trạng thể này, người Việt đã so sánh những vật vô tri giác, những loài động vật, cả những hình ảnh trừu-tượng, siêu-hình, thuộc về tâm-linh nữa... y như người, có đủ trí, thề, đức, chí, giác.

Với các loài động-vật quen thuộc, gần gũi nhất trong đời sống hằng ngày thì người Việt xem như là những bạn thân cùng chung vui, chung khổ với mình. Đây là kết-quả của đời sống nông-nghiệp bất-biến, là ảnh-hưởng sâu đậm của cuộc đời tranh sống vất vả lâu dài với thiên-nhiên, cây cỏ, loài vật. Người và vật giúp đỡ lẫn nhau, no ấm có nhau, vui buồn canh-cánh bên nhau :

Trâu ơi, ta bảo trâu này

Trâu ra ngoài ruộng, trâu cày với ta.

Cấy cày vốn nghiệp nông gia

Ta đây, trâu đấy, ai mà quản công.

Bao giờ cây lúa còn bông,

Thì còn ngọn cỏ ngoài đồng trâu ăn.

Họ không hề coi thường loài vật, mà đôi khi còn dùng đề-tượng-trung cho chí-khí, đức hạnh, tánh tình của mình nữa. Đây là di-tích của quan-niệm thờ kính vật tồ (totémisme) từ khi con người còn ở vào thời kỳ chăn nuôi, chài lưới, săn bắn.

Có người cho rằng : tiết-tháo của con cò đi ăn đêm là phản ảnh của nhà nho thanh-thiết :

*Con cò mà đi ăn đêm,
Đậu phải cành mềm lộn cò xuống ao
Ông ơi, ông vớt tôi nao
Tôi có lòng nào ông hãy xáo măng.
Có xáo thì xáo nước trong
Đừng xáo nước đục đau lòng cò con.*

Một khi mà tình-cảm con người lên rào-rạt thì tất cả động vật chung quanh hình như tương-quan mật-thiết với tâm-tình người :

*Đêm qua ra đứng bờ ao,
Trông cá, cá lặn, trông sao, sao mờ.
Buồn trông con nhện chăng tơ,
Nhện ơi ! nhện hỡi ! nhện chờ mối ai.*

Với các vật vô tri-giác, cũng có thể là hình ảnh linh-dộng, người Việt có thể ứng-dụng vào việc phổ biến tư tưởng, cảm thông nỗi niềm, giao phó hành-dộng cho. Chính-Phụ Ngâm quyển-rũ được nhiều người cũng nhờ lối nhân-cách-hóa đó :

*Lúa thành thoi thóp bên cồn,
Nghe thót ngọc dịch vẹo-von bên lầu.*

hay :

*Sương như búa, bờ mồn gốc liễu,
Tuyết nhưong cưa, xẻ héo cành ngô.*

Cho đến các vật kề sát bên mình thì nhân-cách-tính càng giàu có hơn nữa :

*Khăn thương nhớ ai
Khăn rơi xuống đất
Khăn thương nhớ ai
Khăn vắt lên vai
Khăn thương nhớ ai
Khăn chùi nước mắt
Khăn thương nhớ ai
Mà đèn không tắt
Mắt thương nhớ ai
Mắt ngủ không yên*

Với những hình-ảnh trừu-tượng, thuộc phạm-vi siêu-hình, thuộc tâm-linh, người Việt đã nhân-hóa, thể-hiện đủ hình-thức, cốt để phô bày cụ-thể lên thảm xanh để phân tách.

Với nỗi nghèo túng, họ xem như là một tội-nhân đáng chém giết :

*Chém cha cái khó
Chém cha cái khó
Khôn khéo mấy ai
Xấu xa một nó.*

hoặc là :

Cái khó bó cái khôn

Với nạn chơi-bời, cờ-bạc thì người Việt xem như một kẻ gian ác, đã gieo tai, giao họa cho mình :

*Cờ-bạc là bác thằng bần
Cửa nhà bán hết tra chân vào cùm.*

hay là :

*Cờ-bạc là bác thằng bần
Áo quần bán hết ngồi trần hô hô.*

Đối với các hình ảnh cao-siêu, thiêng-liêng, họ cũng nhận ra thành những con người có tài, có trí vạn năng :

*Làm trai quyết chí tu-thần
Công danh chó vợi, nợ nần chó lo
Khi nền trời giúp công cho
Làm trai nắm liệu, bầy lo mới hào
Trời sinh, trời chẳng phụ nào
Công-danh gặp hội anh hào ra tay...*

Rút lại,

1o) Người Việt đã quan-niệm vạn vật nhất thể, con người làm đơn vị đo lường, đồng thời xem trọng cả cỏ cây loài vật, thần linh.

Trong chín loài, người Việt khéo dung-hòa thích-nhị : « no ra Bụt đói ra Ma ; ăn được ngủ được là tiên ; th thánh chết rồi, còn lại ta... » Xem mình là vạn vật, vật cũng có hình ảnh mình.

2o) Vì thế cho nên tình cảm của người Việt rất g có, họ phơi bày lên cả mọi loài, lên khắp hoàn cảnh chu quanh. Trí tưởng tượng cũng rất hùng-hậu vì một khi sống đậm đà, tha thiết với thiên nhiên, ruộng vườn, là mạc.

3o) Nếu tình-cảm tể-nhị đến thế, sâu sắc đến thế họ cũng biết thiết-thực-hóa những chủ trương siêu hù những hiện-trạng thuộc tâm linh cho thích-ứng với hoi cảnh.

Nhân-cách-hóa của người Việt chứa đựng cả ở qu niệm nhận thức nữa vậy.

TỈ-GIẢO

Theo nghĩa văn học thì :

1o) *Lỗi tỉ giáo (comparaison) là một thể thức so-sánh hai sự vật với nhau hoặc nhiều, hoặc chỉ một khía cạnh. Công việc so-sánh giúp cho tư-tưởng của chúng ta càng thêm sáng rõ, thêm duyên-dáng, thêm mạnh-mẽ... Trong thi-ca, lỗi tỉ giáo càng làm cho dễ xúc-cảm, càng gây những hình ảnh cụ-thể cho tư-tưởng và tình cảm quá trừu-tượng. Các nhà thơ thòt cổ như Homère, Virgile... xem lỗi tỉ giáo là một công dụng lớn trong thi ca mình. Các tác phẩm của Fénelon (như Télémaque) và của Chateaubriand không tránh khỏi lỗi mỹ-tà-pháp tồi tình đó. Ngày nay các nhà thơ mới cũng thường dùng ẩn-dụ (métaphore) để làm cho nhạy, cho nhanh, cho vững ý-tưởng diễn đạt.*

2o) *Lỗi tỉ giáo là một công trình phiên toái. Vì muốn cho hấp dẫn thì cần phải hướng dẫn rất dỗi tự nhiên. Phải được mọi người thừa nhận, không phải tìm hiểu mông lung và khó nhọc. Thành ra so sánh cho chân xác rất ít (1)*

Trong phạm vi ca dao, tục ngữ thì lỗi này đã phát đúng tinh thần đó vì nền văn chương truyền khẩu bắt nguồn từ kinh nghiệm, từ công việc hằng ngày, từ nhu cầu thực tế mới vang lên theo nguyên tắc « bất bình tắc minh ».

Lỗi tỉ giáo chứng-tỏ người Việt nhận định phân tách kỹ lưỡng hiện tại, bằng cách phóng đại lên để nhìn cho rõ, nghe cho tinh, cảm cho sâu. Người bình dân chú

(1) Theo BÁCH-KHOA TỰ-ĐIỀN QUILLET.

trọng những khía cạnh đặc biệt và phong-phú-hóa lên, cốt để nhận định rõ ràng.

Có cái gì đáng sợ hơn người con *«gái không chồng»* bệ-rạc, òi ọp, khó tính *«như phản gỗ long danh»* Gọi lên hình ảnh nguy ngập như thế, mọi người càng thấy tai hại của nạn gái góa, gái *«Kén cá, chọn canh»*, gái *«mặt xanh, nanh vàng»*. Và nguy-hiểm hơn, kinh dờm hơn khi nghe câu hát ví dụ-y đề phòng *«voi không nài như trai không vợ»* hay một mối tình *«anh yêu em như riu chém xuống đá, như rạ chém xuống đất, như mặt rớt vào tai...»*

Đó là cơ-sở của tinh thần hoài nghi tiêu-cực hiện tại dễ nhận định cuộc diện. Qua bao kinh nghiệm, qua bao chứng ngại, người dân Việt luôn luôn nhìn vào thực tại, phân tách thực tại và đề phòng những âm mưu lợi dụng danh nghĩa chơn chánh để xuyên tạc sự thật, đánh tráo cuộc diện để lồng vào những ác-y ám-muội, sâu-độc, lừa-dối nhân dân.

Lối tỉ giáo ghi rõ tinh thần tự lực, tự lượng, đề đối phó với hoàn cảnh. Luôn luôn họ nhìn vào thực chất của mình rồi so sánh với người.

Trước tài năng, sắc đẹp của người khác, cô gái Việt Nam luôn luôn lượng sức ước hời tài mình, có khi tự hạ mình là khác :

*Thân chị như cánh hoa sen,
Chúng em bèo bọt chẳng chen được vào.*

Hoặc lửng lơ vô tư :

*Thân chị như tấm hoa đào,
Phất phơ trước gió biết vào tay ai.*

Hoặc tự kiêu, tự đại khi đắc thế :

Thân chị như cát sập vàng,

Chúng em chiếu rách giữa dòng bỏ quên.

Vì vậy, người Việt luôn luôn tìm hiểu nhân-bản trước cuộc diện, tìm giá-trị cần yếu của cá-nhân để đối-xử với cuộc diện. Nhận định để phát-triển, để ứng-phó, bài học lịch-sử của hội-nghị Diên-Hồng, của nông-dân theo bóng cờ Tây-Son, của những cuộc binh Chiêm, phạt Tống. Thành ra những cuộc nhào nặn vô ý-thức, thiếu nhận-dịnh tinh-thần tự-lực, tự lượng với hoàn-cảnh thì chỉ mang thất-bại mà thôi.

Lỗi ti giáo luôn luôn đề cao tiến-hóa, cầu hảo, hướng thượng bằng cách ghê-tởm, ruồng-rẫy cái xấu (*từu nhập tâm như hồ nhập lấm*, (*Gái không chồng như phản gỗ long danh*), phát-triển, tán tụng cái tốt (*Công cha như núi Thái-Son; Nghĩa mẹ như nước trong nguồn chảy ra*) cốt để đề-phòng những tai họa sắp đến cũng như cố-gắng đạt cho kỳ được những viễn ảnh vui tươi, đẹp-đẽ.

Tinh-thần cầu tiến đó đòi hỏi sự phát-triển mọi chiều, chống đối lại mọi âm-mưu cô đọng tư-tưởng, kìm hãm tình-cảm hay ràng buộc hành-động. Với xã-hội biến hóa, khoa-học phát-triển, họ luôn luôn tìm học, suy-luận, áp dụng vào hành-động để phục vụ kịp thời.

Tìm hiểu quá khứ, nhận định thực tại, lo lắng tương lai người Việt đã học tập bản thân, đối chiếu xã-hội để phát-triển mỗi ngày mỗi đẹp thêm ra.

Lối ti giáo cởi mở con người theo chiều cởi mở của xã-hội, theo chiều phát triển của sự vật.

Khi đã hiểu rằng « *anh em (tình cảm) như thề tay chân (cơ thề)* » nhất định là con người đòi hỏi cởi mở điều hòa, quân bình, một công hai ba việc.

Khi đã hiểu rằng : « *lang thang* (nói về người) như *Thành - hoàng làng kết* » (nói về xã-hội) thì con người cố gắng điều chỉnh cuộc sống của mình, đồng thời cứu lấy xã-hội, nâng đỡ xã hội tiến lên. Cho nên quá tin trọng cá nhân mà quên xã-hội — hay ngược lại — đều phản với tinh thần dân-tộc. Thúc-dẩy hành động mà gò ép tình cảm hay cô đọng lý-trí, cũng khó mà giải tỏa toàn diện con người theo nhịp chấn chỉnh toàn bộ xã-hội.

Lối ti giáo chứng tỏ người Việt yêu đời sống, yêu đất vườn, yêu xứ sở.

Thật thế, trong khi đưa những sự vật cụ thể, đề đối chiếu, so sánh tình cảm bản năng lý-trí con người, dân quê chỉ dùng những đối-tượng rất quen thuộc, rất gần gũi, rất thực-tế. Muốn ghi rõ tình-cảm gia-đình, họ chỉ dùng những hình-ảnh.

*Anh em như chân như tay,
Vợ chồng như áo cời ngay lúc thì.*

Giản-dị thật mà cũng sâu đậm thật.

Vì vẫn có mức cảm xúc tế-nhị, chứa chan ngần nào mới có thể ví von khéo-léo như thế. Căn bản là phải sống khăng khít yêu nồng nàn đời sống, đất vườn xứ sở.

*Lát phất như dốt ruộng hằm.
Văng vè như chùa bà Đanh.*

Đây, có cảm, có sống, có gần gũi mới nhận định rõ tình trạng mà đối chiếu với tâm hồn.

Lối tử giao rào rạt nguồn thơ, dồi dào tình cảm, đó là bản tánh của con người nhược-tiểu luôn luôn sống gần thiên nhiên chịu quá nhiều đau khổ, luôn tìm vẻ đẹp trong cuộc sinh-hoạt, trong những nét đơn thanh.

Ví von tình-tự đến dường này hẳn phải lặn lộn, cảm xúc, nhận xét tinh-tế lắm :

*Cò tay em trắng như ngà,
Con mắt em liếc như là dao cau.
Miệng cười như thề hoa ngâu,
Cái khăn đội đầu như thề hoa sen.*

Đây là một cảnh khía trong vườn thơ bình-dân, trong nguồn cảm rào rạt, chứa đựng của ca dao, tục ngữ.

Rút lại,

Lối tử giao đã chứng minh tinh thần suy nghiệm khách quan của người dân quê, luôn luôn nhìn mình, nhìn người, đối chiếu cá nhân và xã hội để cởi mở điều hòa.

Lối tử giao chiếu đúng tinh thần dân tộc, đúng nguồn rung cảm đậm đà, lý trí tiến bộ và hành động mạnh mẽ của dân Việt.



LÔNG - NGŨ

Lông ngữ là lối lợi-dụng những chữ đồng âm dị nghĩa, những hình-ảnh sống động, những lối nhân cách hóa... trong tiếng Việt cốt để tạo câu văn thêm đỉnh ngộ, dí dỏm, vừa đủ nghĩa và vừa có nhiều hình ảnh đặc-biệt.

Thường thường là lối đối đáp ý tứ trong câu bằng cách dùng chữ cùng một loại :

*Trăng bao nhiêu tuổi trăng già,
Núi bao nhiêu chữ gọi là núi non ?*

Trăng già và *núi non* ngoài nghĩa thông thường của nó, tác giả còn sung sướng với lối đối đáp hóm-hỉnh của nó nữa.

Hoặc những giống vật cùng một loại tàng ẩn trong các câu thơ :

Rắn đầu biếng học

*Chẳng phải liu-liu vẫn giống nhà,
Rắn đầu biếng học chẳng ai tha.
Thẹn đèn hồ lửa, đau lòng mẹ,
Nay thét mai găm, rát cò cha.
Ráo mép chỉ quen tuồng nói dối,
Lăn lừng cam chịu vết roi tra.
Từ nay Châu, Lỗ xin chăm học,
Kẻo hồ mang danh tiếng thế gia.*

(Lê-quí-Đôn)

Ngoài vị trí và vai trò của nó trong câu những chữ *rắn*, *liu liu*, *hồ lửa*, *mái găm*, *ráo* (tức là *rắn ráo*) *lăn* (tức là *thần lẫn*) *hồ mang*. . còn là tên các loại rắn nữa..,

Chính nhờ tánh chất « ý tại ngôn ngoại » của tiếng Việt mà nữ sĩ Hồ - xuân - Hương, đã phô bày trắng trợn những ẩn ức tình cảm, ẩn ức tâm lý, ẩn ức xã hội của mình trong những bài tả cảnh vừa sống động vừa khêu gọi. Thơ của nữ sĩ họ Hồ, nửa úp, nửa mở trong lối lộng ngữ mà thu hút được nhiều người đọc.

Trí liên tưởng tùy trình độ thưởng thức của mỗi người:

*Một lỗ xâu xâu mấy cũng vừa,
Duyên em dính dáng tự ngàn xưa.
Vành ra ba góc, da còn méo,
Khép lại đôi bên thịt vẫn thừa.
Mát mặt anh hùng khi tắt gió,
Che đầu quân-tử lúc sa mưa.
Nâng-niu ước hỏi người trong trướng,
Phì phạch trong lòng đã chán chưa!*

(Vịnh cối quẹt)

*Thấp ngọn đèn lên thấy trắng phau
Con cò mấp máy suốt đêm thao.
Hai chân đạp xuống nâng nâng nhấc,
Một suốt đâm ngang thích thích mau.
Rộng, hẹp nhỏ to vừa vặn cả,
Ngắn, dài khôn-khờ vẫn như nhau.
Có nào muốn tốt ngâm cho kỹ
Chờ đến ba thu mới dãi mầu.*

(Dệt cửi)

Lợi dụng tính chất này, người Việt đã dùng làm thơ trào phúng, công kích, bài bác tất cả những nguyên tắc xã hội, luân lý, trật tự trái hẳn với tự nhiên, phản lại sự cởi mở điều

hòa của con người. Một người dân đen khinh bỉ quan lớn, một viên sứ-thần coi thường thượng quốc, một người đàn-bà chỉ trích chế độ luân lý, phong kiến v.v... tất cả đều có thể dùng khí-giói tinh-thần linh diệu này để đề - cao cơ sở bất khuất và năng-lực chống đối của mình.

Nhưng nếu không khéo áp dụng, trình bày quá gò bó, máy móc, ép uổng, chẳng những làm sượng-sùng câu văn, câu thơ mà còn là một lối lộng ngữ ấu-trĩ, thơ ngây, nguy hại là khác nữa.

Lối lộng ngữ khéo léo được là cần nhờ ở tài tập luyện lâu dài, ở những cơ sở đối kháng mạnh mẽ và ở khả năng xử dụng linh diệu của tiếng Việt. Các nhà hủ-nho đưa ra nhiều văn ngớ ngẩn, ngượng nghịu trong Đường thi chính là thế.



PHÚNG - THÍCH

Lối phúng-thích (satire) là một hình-thức phân tách những tệ hại, tìm hiểu nguyên nhân lỗi-lầm để giáo-dục mọi người.

Người phúng-thích đi thẳng vào thực-trạng cả gan dùng những lời cực-kỳ nanh nọc, không che đậy, giấu giếm, không nề nang, cốt làm sao phơi bày đầy đủ nguyên-nhân của tội-lỗi. Công việc trình-diễn có kế-hoạch rõ-ràng, có điều tra, nghiên cứu từ trước chứ không xô bồ, hời hợt nông nổi như ối cơ-trí (esprit).

« Phúng thích dùng những lời lẽ cực kỳ nanh nọc để chế-diễu một cách ghê-gớm, kịch-liệt, kỳ cho thấm buốt đến xương. Nó không đem lại cho chúng ta cái cười thông-khởi nó chỉ làm cho chúng ta cười nhạt, nhưng cười xong ngẫm lại, khi nghĩ xa rồi thì mặt đỏ dần tận mang tai. Tác giả phúng-thích ở chỗ cũng lạnh-lùng. Hình như tâm thái tác-giả phúng thích là tâm thái của người nhìn thấu nhân tâm, thế sự để mà công kích một cách thật khéo cái nhược-diểm của loài người »

(Trong cuốn Lão-Nguu Phá-Xo)

Thường thường cứ trải qua những cuộc khủng-hoảng xã hội gia đình hoặc cá-nhân, những con người phúng-thích nhìn suốt hết cả cuộc diện, biết định tâm, tỉnh trí để phân tách sai-lầm, tìm rõ lẽ phải để cứu vãn lấy tình thế.

Tình trạng này xảy ra liên miên trong hoàn cảnh Vĩ Nam ; xã hội đã rối rắm, con người chịu nhiều ần-ức, mà thuần quá trốn thì lối phúng-thích càng được ứng dụng. (dao, tục ngữ, chuyện tiểu-lâm, thơ của Hồ-Xuân-Huân Trần-Tế-Xương, Nguyễn-Khuyển, Cao-Bá-Quát, Nguyễn Công-Trứ, Ba-Giai, Tú Xuất, Tú Mỡ (tiền chiến) có tán chất phúng-thích hơn là u-mặc, đơm cốt cách trào-mạ h là^rtrào-lộng.

Hoặc ở ca-dao :

Chồng em nó chẳng ra gì,
Tồ tồ xóc đĩa nó thì chơi hoang.
Nói ra xấu thiếp hồ chàng
Nó giận, nó phá tan hoang cửa nhà.
Nói đây có chị em nhà.
Còn dăm ba thúng thóc-với một và cân bông.
Em bán đi trả nợ cho chồng
Còn ăn, hết nhịn cho thỏa lòng chồng con.
Đắng cay ngậm quả bồ hòn,
Cửa nhà gia thế chồng con kém người.
Nói đây sợ chị em cười,
Con nhà Nho-giáo lấy phải người dăn ngu.
Rõng vơng tắm nước ao tù
Người khôn ở với người ngu nặng mình.

thì người đàn-bà đã nhìn thẳng vào có sự gia đình, vào như tánh nết xấu xa của đức ông chồng dưới chế-độ phụ-hệ, đã vạch rõ nguyên nhân, nhưng rồi cuối cùng cũng không qu nhắc đến đạo đức Nho-giáo để điều chỉnh lại tình thế.

Này là ở Nguyễn-Khuyến :

*Nghĩ đời mà lại chán cho đời
Co cáp làm sao được với trời.
Chép đầu lớn đầu to cái đại,
Phờ râu, chịu đấm mất phần xôi.
Được thua hơn kém lưng hồ rượu,
Hay dở khen chê một trận cười.
Dựa gối bên màn thao hóa bướm
Gió thu lạnh-lẻo lá vàng rơi.*

thì lối phúng-thích lại trang-trọng hơn, nho nhã hơn nhưng lối bông đùa lại là con đường... thoát tục. Gò bó quá nhiều vào khuôn khổ, tư tưởng vẫn còn băn khoăn về quan niệm phúng-thích « hạ cấp » hay « thượng cấp », cho nên khó lòng mà đi sâu vào khía cạnh, vào chi tiết dễ dả phá.

Này là ở Hồ-xuân-Hương :

*Chẳng phải Ngô mà chẳng phải ta,
Đầu thì trọc lóc, áo không tà.
Oản dâng trước mặt năm ba phẩm,
Vải mặc sau lưng sáu bảy bà.
Khi cảnh, khi tiu, khi chum-chọe,
Giọng hi, giọng hỉ, giọng hi-ha.
Tu lâu có lẽ lên sư cụ,
Ngất-ngheo tòa sen nọ đó mà.*

thì lối phúng-thích lại khốc-liệt, mạnh mẽ, ghê gớm hơn.

Rút lại, như lời của đại văn-hào Lỗ-Tấn thì « phúng-
điếu sự diệt-vong là đã hoàn thành phân nửa cuộc cách-mạng »;
ở đây, công dụng của phương pháp phúng-thích cũng có thể
giúp ích phần lớn trong việc cải-tiến con người vậy.

Hết cuốn nhất

(Dalat tháng 9 năm 1955)



MỤC - LỤC

		Trang
1	Lời nói đầu	3
2	Mỹ từ pháp	5
3	Nghĩ thanh từ (hiếu thanh)	7
4	Điệp ngữ	10
5	Phản phục (lặp lại chữ)	14
6	Điệp thủ thanh	16
7	Điệp vĩ âm	19
8	Tiêu đối (câu đối → tiết đối)	22
9	Ngoa ngữ	25
10	Phản ngữ	29
11	Hoán dụ	34
12	Đào ngữ	37
13	Diễn tích	39
14	Nhân cách hóa	43
15	Ti giáo (tiếng nói)	47
16	Lộng ngữ (Chữ chơi) (Hs Xuân)	52
17	Phúng - Thịch	55

In tại nhà in LANG-BIAN
số 4, Phố Hòa-Bình, Đà-lạt
K. D. số 1154/NTT/TH/CN
ngày 10 tháng 10 năm 1955

TRƯỜNG TRẦN- QUỐC-TOÀN DALAT
SẮP XUẤT-BẢN :

— PHƯƠNG-PHÁP LÀM MỘT BÀI LUẬN
BÌNH-GIẢI

do **Kiểm-Đạt**
và **Ngọc-Bính** biên-soạn.

— TOÁN QUANG-HỌC VÀ ĐIỆN-HỌC
(Đệ tứ Trung-học)

do giáo-sư **Đặng-xuân-Bính**
biên-soạn.

— TOÁN ĐẠI-SỐ ĐỆ LỤC VÀ ĐỆ NGŨ

do ông **Đặng-ngọc-Bôi**,
giáo-sư Khoa-học soạn.

— TỶ - BÀ - HÀNH

do ông **Kiểm-Đạt**,
giáo-sư Việt-văn chú-thích.

— LỄ-LỐI TỔ-CHỨC HIỆU-ĐOÀN

do toàn ban **Hướng-Dẫn**
Hiệu-Đoàn Trần-Quốc-Toàn
biên-kho.

Nhà xuất - bản LÂM - VIỆN

4, Phố Chợ, Dalat



Đề xây-dựng một tủ sách
« Văn-Nghệ »

Đề góp phần vào việc trau dồi
nền Văn-hóa Việt-Nam,

Mong đợi sự hưởng-ứng
và hợp-tác của các Văn-gia
và Học - giả Lâm - Đồng
và toàn quốc. =====

Hưởng quyền tác-giả rộng rãi

Thơ từ và bản thảo xin gửi cho :

Ông **Nguyễn-văn-Hưng**
Giám-đốc nhà in và xuất-bản LÂM-VIỆN
4, Phố Chợ, Dalat

KIM - VÂN - KIỀU

(chú-giải đầy đủ, gọn gàng — giá phổ-thông)

Tổng phát-hành : NHƯ-Ý
310, Võ-di-Nguy (Phú-Nhuận) Saigon

